

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN BÌNH
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 4 - 2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH – TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Kim Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thống

2. Bà Đặng Thị Lan Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Duy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 27 tháng 4 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXX ST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2020 và thông báo mở lại phiên tòa số : 07/TB-TA ngày 16/4/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị T – Sinh năm 1981 có mặt

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ – Sinh năm 1981 vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 05-12-2019, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Vũ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Đ trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 09-11-2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Mặc dù chị và anh Đ đã khắc phục nhiều lần nhưng không có kết quả, chị và anh Đ đã ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Đ không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về nuôi con chung: Chị xác nhận vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Quốc B, sinh ngày 30/9/2007 và cháu Nguyễn Minh T sinh ngày 19/8/2014. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh T. Anh Đặng nuôi cháu Nguyễn Quốc B Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian, địa điểm và các điều kiện kết hôn như chị T đã trình bày là đúng. Trong thời gian chung sống vẫn bình thường, thỉnh thoảng có xảy ra cãi vã vợ chồng, mỗi lần xảy ra mâu thuẫn chị T lại bỏ nhà đi. Từ tháng 8/2019 chị T bỏ nhà đi cho đến nay mặc dù anh đã khuyên bảo chị T về nhưng không được. Nay chị T yêu cầu ly hôn anh không đồng ý và mong muốn chị T về đoàn tụ gia đình cùng nuôi con cái.

Về nuôi con chung: Anh xác nhận vợ chồng có con chung như chị T đã trình bày. Ly hôn anh đề nghị nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của con chung: Cháu Nguyễn Quốc Bảo có nguyện vọng được ở với bố là anh Nguyễn Văn Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại xã Thịnh Hưng, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

Anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, anh Đặng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn Đ kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Yên Bái ngày 09 -11-2006. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh Đ đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Anh Đ đề nghị Tòa án cho anh chị hòa giải để đoàn tụ gia đình nhưng anh không đến hòa giải tại tòa để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, anh chị đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không còn sự quan tâm đến nhau nữa. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn Đ đều xác định vợ chồng có hai con chung: Nguyễn Quốc B, sinh ngày 30-9-2007 và cháu Nguyễn Minh T sinh ngày 19 – 8- 2014. Nguyên vọng của cháu B bố mẹ ly hôn được ở với bố còn Chị T nguyên vọng được nuôi dưỡng cháu T, anh Đ có ý kiến nếu ly hôn anh sẽ nuôi hết cả hai cháu không cần chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét quyền lợi của bố mẹ đối với con chung là ngang nhau chị T đề nghị được nuôi cháu T hiện nay cháu T ở với chị, còn cháu B ở với anh Đ nên cần giao cháu B cho anh Đ nuôi dưỡng, giao cháu T cho chị T nuôi là phù hợp với pháp luật và nguyên vọng của con chung.

[4] *Về chia tài sản, nợ chung*: Chị T và anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Vũ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Vũ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Nguyễn Minh T sinh 19/8/2014 cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có

thay đổi theo pháp luật.

Giao cháu Nguyễn Quốc B sinh 30/9/2007 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi theo pháp luật. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở

3. *Về án phí*: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0002722 ngày 05 -12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y (Chị T đã nộp đủ án phí).

Chị Vũ Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Yên Bình;
- THA dân sự huyện Yên Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lu HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Hoàng Kim Sơn

